

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa THận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 133/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa THận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa THận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa THận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa THận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A. Địa chỉ: Tòa nhà Profomilk số 51-53 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lý Thị Bích NG – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H – PGĐ chi nhánh Công ty tại Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H – Trợ lý hành chính – Quản trị chi nhánh công ty tại Đắk Lắk. Địa chỉ: Thôn 8, xã Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk:

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị TH (Chủ đại lý TH C).

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông Trương Thanh C.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa THận của các đương sự cụ thể như sau: Công ty A và bà Nguyễn Thị TH, thống nhất với nhau về số tiền nợ là 34.680.000đ (*Ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*). Bà Nguyễn Thị TH đồng ý trả cho Công ty A số tiền là 34.680.000đ (*Ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*). Trả làm hai đợt thời gian cụ thể như sau:

Đợt 1: Trả vào ngày 02/01/2021 số tiền là 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

Đợt 2: Trả hết số tiền còn lại 14.680.000 (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) trả vào ngày 02/02/2021.

Công ty A và bà Nguyễn Thị TH không thỏa THận với nhau về số tiền lãi chậm trả.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ thời điểm mà các đương sự thỏa THận và Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị TH không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty A thì lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức TH, miễn, giảm, TH, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do hòa giải thành nên các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định của số tiền 34.680.000đ (*Ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*). Được tính là 867.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) số tiền này Công ty A nhận chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 867.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai số 0004393 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa THận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quý Nhân